

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146 /2019/DS-PT

Ngày: 20 - 5 - 2019

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Bình.

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Sâm Hương

Ông Trần Văn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Chi - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2019/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 171/2019/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lý Kim T, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang .

- Bị đơn: Đoàn Thị Bích T (Tên thường gọi: Bích H), sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đoàn Thị Bích T, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Người làm chứng:

1. Ngô Thị Ngọc T, sinh năm 1968 (vắng mặt).
 2. Nguyễn Thanh T, sinh năm 1982 (vắng mặt).
 3. Nguyễn Thị B, sinh năm 1979 (vắng mặt).
- Cùng địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
4. Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Đoàn Thị Bích T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Lý Kim Tuấn trình bày:*

Trong năm 2018, ông cho bà Đoàn Thị Bích T vay tiền hai lần; lần đầu cho vay 100.000.000 đồng, nhưng đến ngày 20/7/2018 làm biên nhận; lần hai ngày 17/7/2018 cho bà T vay 45.000.000 đồng, có làm biên nhận. Lãi suất vay là 3%/tháng. Ngày 23/8/2018, ông với bà T đến Văn phòng công chứng Hoàng K lập hợp đồng vay số tiền 100.000.000 đồng của biên nhận ngày 20/7/2018; thỏa thuận khi nào ông cần lấy lại tiền báo cho bà T trước một tháng. Ngày 27/10/2018 bà T có trả cho ông 10.000.000 đồng tiền vốn, còn nợ lại 135.000.000 đồng; đồng thời bà T ngưng trả tiền vốn và lãi cho đến nay. Trong thời gian vay tiền bà T chỉ có trả cho ông được số tiền lãi là 9.000.000 đồng, bà T không có trả số tiền lãi 136.700.000 đồng. Ông cho bà T vay tiền; còn việc bà T cho bà T mượn lại tiền thì ông không biết; ông không có tranh chấp tiền với bà T, không yêu cầu bà T trả tiền.

Ông yêu cầu bà T trả lại 135.000.000 đồng và lãi theo lãi suất 0,75%/tháng, tính từ ngày 25/11/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn bà Đoàn Thị Bích T trình bày:*

Vào tháng 10 năm 2016, bà T vay của ông Lý Kim T 100.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng; đến tháng 4 năm 2017, bà vay tiếp của ông T 45.000.000 đồng, lãi suất 9%/tháng; tổng cộng 145.000.000 đồng. Lúc vay tiền không có làm biên nhận; nhưng đến năm 2018, ông T có viết hai biên nhận ngày 20/7/2018 vay 100.00.000 đồng và biên nhận ngày 17/7/2018 vay 45.000.000 đồng đưa cho bà ký tên. Ngày 23/8/2018, bà với ông T thỏa thuận đến Văn phòng công chứng Hoàng K công chứng hợp đồng vay số tiền 100.000.000 đồng của biên nhận ngày 20/7/2018. Đến ngày 27/10/2018, bà có trả cho ông T được tiền vốn 10.000.000 đồng có làm biên nhận; nên hiện nay còn nợ lại ông T 135.000.000 đồng và bà ngưng trả tiền lãi cho đến nay. Trong thời gian vay tiền bà đã trả cho ông T số tiền lãi là 136.700.000 đồng, nhưng không có làm biên nhận, giấy tờ gì. Bà vay 145.000.000 đồng của ông T rồi cho bà T (chị ruột bà) mượn lại,

nhưng bà với bà T không có tranh chấp gì về số tiền trên; bà với bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Bà đồng ý trả cho ông T số tiền 135.000.000 đồng, nhưng yêu cầu trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian trả tiền tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hết nợ; bà yêu cầu miễn trả tiền lãi cho ông T. Đối với số tiền lãi 136.700.000 đồng mà bà trả cho ông T, bà không có yêu cầu và tranh chấp gì với ông T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Bích T trình bày:*

Tháng 10 năm 2016, bà Đoàn Thị Bích T vay của ông Lý Kim T 100.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng; đến tháng 4 năm 2017 bà T vay tiếp của ông T 45.000.000 đồng, lãi suất 9%/tháng, tổng cộng là 145.000.000 đồng. Bà T cho bà mượn lại 145.000.000 đồng để bà cho người khác vay. Bà có giao bà T 10.000.000 đồng để trả tiền vốn cho ông T; hàng tháng có gởi tiền cho bà T để bà T đóng tiền lãi cho ông T. Hiện nay còn nợ ông T 135.000.000 đồng. Nay bà T tranh chấp tiền vay với ông T để Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Bà không có tranh chấp tiền với ông T. Việc bà mượn tiền của bà T để bà với bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

** Người làm chứng bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:*

Bà không có trực tiếp chứng kiến bà Đoàn Thị Bích T vay tiền của ông Lý Kim T, bà T có nhiều lần mượn tiền của bà nói để đóng tiền lãi vay cho ông T. Việc bà T với ông T giao nhận tiền bà không có chứng kiến.

** Người làm chứng chị Ngô Thị Ngọc T trình bày:*

Chị không có trực tiếp chứng kiến bà Đoàn Thị Bích T vay tiền của ông Lý Kim T, chị có cho bà T mượn 02 lần tiền để đóng tiền lãi cho ông T, mỗi lần 4.050.000 đồng. Chị có thấy bà T đóng tiền lãi cho ông T tại quán cà phê của chị D (cháu của ông T).

** Người làm chứng anh Nguyễn Thanh T trình bày:*

Anh không có chứng kiến bà Đoàn Thị Bích T vay tiền của ông Lý Kim T, anh có thấy bà T đóng tiền lãi cho ông T tại quán cà phê của chị D (cháu của ông T) bốn lần, mỗi lần 4.000.000 đồng.

** Người làm chứng chị Nguyễn Thị Bích D trình bày:*

Việc vay, mượn tiền giữa ông Lý Kim T với bà Đoàn Thị Bích T chị không có chứng kiến; nhưng trong năm 2018 bà T có một lần giao tiền cho chị nói để đóng tiền lãi vay cho ông T, nhưng số tiền bao nhiêu chị không nhớ.

** Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2019/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 463, 466; khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự; Điều 147, 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội*

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Kim T.

- Buộc bà Đoàn Thị Bích T có nghĩa vụ trả cho ông Lý Kim T số tiền 138.139.000 đồng, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí:

+ Bà Thủy phải nộp 6.906.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho ông T tiền tạm ứng án phí 3.408.000 đồng theo biên lai thu số 39878 ngày 03/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11 tháng 3 năm 2019, bị đơn bà Đoàn Thị Bích T kháng cáo đồng ý trả cho ông T số tiền 135.000.000 đồng, nhưng yêu cầu trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, yêu cầu được miễn trả số tiền lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm; bà Đoàn Thị Bích T thay đổi yêu cầu kháng cáo, bà đồng ý trả cho ông Lý Kim T số tiền vốn và lãi theo bản án sơ thẩm đã tuyên là 138.139.000đ, bà yêu cầu được trả dần 3 tháng 15.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Ông Lý Kim T không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà T, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: yêu cầu kháng cáo của bà T không có cơ sở chấp nhận, đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là hợp đồng vay tài sản là có căn cứ, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

theo quy định của của Bộ luật dân sự và Bộ luật Tố tụng dân sự.[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Đoàn Thị Bích T xét thấy:

Trong năm 2018, ông Lý Kim T cho bà Đoàn Thị Bích T vay tiền hai lần; lần đầu cho vay 100.000.000 đồng, nhưng đến ngày 20/7/2018 làm biên nhận; lần hai ngày 17/7/2018 cho vay 45.000.000 đồng, có làm biên nhận. Lãi suất vay là 3%/tháng, các bên thỏa thuận miệng khi nào ông T cần tiền thì báo trước cho bà T 01 tháng.

Ngày 23/8/2018, ông T với bà T đến Văn phòng công chứng Hoàng K lập hợp đồng vay số tiền 100.000.000 đồng (của biên nhận ngày 20/7/2018), thỏa thuận lãi 1,5%/tháng, kỳ hạn vay là 20 tháng, trả tiền gốc hàng tháng 5.000.000đ và tiền lãi; sau đó ngày 27/10/2018 bà T có trả cho ông T 10.000.000 đồng tiền vốn, còn nợ lại ông T 135.000.000 đồng; đồng thời bà T ngưng trả tiền vốn và lãi cho ông T cho đến nay.

Xét thấy, ông T và bà T trình bày thống nhất là bà T còn nợ ông T tổng cộng là 135.000.000 đồng tiền vốn, lúc vay tiền bà T có làm biên nhận tiền, hợp đồng vay tiền như ông T trình bày; do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông T khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền vốn 135.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 25/11/2018 đến ngày xét xử theo mức lãi suất Ngân hàng Nhà nước quy định, trả tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực là có cơ sở phù hợp với pháp luật

Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bà Đoàn Thị Bích T có nghĩa vụ trả cho ông Lý Kim T số tiền vốn là 135.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 25/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.139.000đ, tổng cộng vốn và lãi là 138.139.000 đồng, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ phù hợp với các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.

Bà T kháng cáo đồng ý trả cho ông T số tiền vốn và lãi 138.139.000 đồng , yêu cầu xin được trả dần 3 tháng trả 15.000.000 đồng cho đến khi hết nợ; xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà T xin trả dần nợ nêu trên ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T và tại phiên tòa phúc thẩm ông T không đồng ý, nên yêu cầu kháng cáo của bà T không có cơ sở chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đoàn Thị Bích T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn bà Đoàn Thị Bích T không được chấp nhận, nên bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đoàn Thị Bích T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2019/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Kim T.

1/ Buộc bà Đoàn Thị Bích T có nghĩa vụ trả cho ông Lý Kim T số tiền 138.139.000 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu một trăm ba mươi chín ngàn đồng), trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

+ Bà Đoàn Thị Bích Thủy phải nộp 6.906.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho ông Lý Kim T tiền tạm ứng án phí 3.408.000 đồng theo biên lai thu số 39878 ngày 03/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang.

-Án phí phúc thẩm: Bà Đoàn Thị Bích T có nghĩa vụ phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 40106 ngày 11/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang, nên xem như đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

4/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- THADS huyện G;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2019-L

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Song Bình